

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 156/2020/HS-ST

Ngày: 14/4/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 146/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2020/QĐXXST-HS ngày 31/3/2020 đối với bị cáo:

Khổng Hoàng T, sinh năm 1994; nơi sinh: Đồng Nai; nơi cư trú: 229/39 khu phố 1, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Cha: Khổng Minh V, sinh năm 1964, còn sống; Mẹ: Đỗ Thị X, sinh năm 1969, còn sống; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 09/6/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố BH xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 321/HSST; ngày 15/6/2015, bị TAND tỉnh ĐN xử phạt 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án số 112/HSPT (đã chấp hành xong bản án); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/02/2020 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 118 ngày 03/11/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố BH; Bị cáo có mặt.

Bị hại: Anh Đỗ Trọng K, sinh năm 1987; Địa chỉ: 229/49 khu phố 1, phường T B, thành phố BH, tỉnh ĐN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Chế Ngọc N, sinh năm 1988; Địa chỉ: 32/2 khu phố 8A, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐNai (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 23/6/2019, Khổng Hoàng T đi bộ từ nhà tại địa chỉ: 229/39 khu phố 1, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN để mua đồ, khi đi ngang qua nhà anh Đỗ Trọng K tại địa chỉ 229/49 khu phố 1, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN thì thấy nhà không khóa cổng nên T đi vào nhà anh K thấy anh K đang nằm ngủ dưới đất nên T đi ra. Sau đó, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên quay lại và vào nhà anh K lấy trộm được 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 01 (một) ví da bên trong có 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 02 giấy chứng nhận đăng ký xe máy, một số ngoại tệ và số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) đang để trên bàn trong phòng khách rồi mang về nhà T cất giấu. Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/6/2019, T mang cái điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus đến tiệm điện thoại Niên Smartphone tại địa chỉ 32/2 khu phố 8A, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN bán cho anh Chế Ngọc N được 800.000 đồng (Tám trăm ngàn đồng). Sau khi bị mất tài sản, anh K xem lại Camera nhà của anh Trần Đức T1 thì phát hiện người đã đột nhập vào nhà anh trộm cắp tài sản là T nên anh K đã đến nhà T yêu cầu trả lại tài sản, T đã trả lại cho anh K các giấy tờ gồm 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 02 giấy chứng nhận đăng ký xe máy và T yêu cầu anh K đưa T 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) thì T trả lại điện thoại, anh K không đồng ý và đến Công an phường TB trình báo sự việc, Công an phường TB đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH để điều tra xử lý.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16GB, số imei: 354379064247141, bà Đỗ Thị X (là mẹ của bị cáo T) đã chuộc lại và giao nộp cho Cơ quan điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố BH đã giao trả lại cho anh Đỗ Trọng K.

- Đối với 01 (một) ví da và số ngoại tệ gồm 97 (Chín mươi bảy) đô la Mỹ, 20 (Hai mươi) Ringgit Malaysia, 01 (Một) nhân dân tệ Trung Quốc, 01 (Một) Riel Campuchia T đã làm mất nên không thu hồi lại được.

- 01 (Một) USB chứa đoạn Clip dài 01 phút 47 giây ghi lại việc Khổng Hoàng T vào nhà anh Đỗ Trọng K.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 379/TCKH-HĐĐG ngày 29/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố BH kết luận:

1. 01 (Một) cái điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus 16GB, số imei 354379064247141.

2. 01 (Một) cái ví da.

Tổng giá trị tài sản định giá là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 640/TCKH-HĐĐG ngày 19/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố BH kết luận:

1. 97 (Chín mươi bảy) đô la Mỹ,
2. 20 (Hai mươi) Ringgit Malaysia,
3. 01 (Một) nhân dân tệ Trung Quốc,
4. 01 (Một) Riel Campuchia 97

Tổng giá trị tài sản định giá là 2.369.292 đồng (Hai triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm chín mươi hai đồng).

Trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Trọng K đã nhận lại điện thoại và giấy tờ, hiện anh K chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại cho anh số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Đối với cái ví da và số ngoại tệ anh K không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Cáo trạng số: 162/CT-VKSBBH ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Khổng Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Khổng Hoàng T và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Khổng Hoàng T mức án tù 10 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại Đỗ Trọng K số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Ý chí của bị cáo là tự nguyện nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Anh Chế Ngọc N mua 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16GB số imei 354379064247141 của bị cáo Khổng Hoàng T, anh N không biết điện thoại trên do bị cáo T trộm cắp mà có được nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo Khổng Hoàng T nói lời sau cùng: Bị cáo kính xin HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố BH, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Khổng Hoàng T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 23/6/2019, Khổng Hoàng T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của anh Đỗ Trọng K tại địa chỉ 229/49 khu phố 1, phường TB thành phố BH, tỉnh ĐN lấy trộm được 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 01 (một) ví da bên trong có 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 02 giấy chứng nhận đăng ký xe máy, 97 (Chín mươi bảy) đô la Mỹ, 20 (Hai mươi) Ringgit Malaysia, 01 (Một) nhân dân tệ Trung Quốc, 01 (Một) Riel Campuchia và số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Theo các Bản kết luận định

giá tài sản số 379/TCKH-HĐĐG ngày 29/8/2019 và số 640/TCKH-HĐĐG ngày 19/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố BH kết luận tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.369.292 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn hai trăm chín mươi hai đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Khổng Hoàng T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” và bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo đã từng có 02 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích” năm 2011 và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” năm 2015, bị cáo không soi các bản án trên làm bài học cho bản thân mà còn tiếp tục cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 23/6/2019 thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm trọng xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 09/6/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố BH xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 321/HSST; ngày 15/6/2015, bị TAND tỉnh ĐN xử phạt 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo bản án số 112/HSPT (Đã chấp hành xong bản án).

[6]. Về xử lý vật chứng: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, 01 (Một) chứng minh nhân dân, 01 (Một) giấy phép lái xe, 02 (Hai) giấy chứng nhận đăng ký xe máy Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại anh Đỗ Trọng K nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- 01 (một) ví da; 97 (Chín mươi bảy) đô la Mỹ, 20 (Hai mươi) Ringgit Malaysia, 01 (Một) nhân dân tệ Trung Quốc, 01 (Một) Riel Campuchia một số ngoại tệ và số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) bị cáo T chưa trả cho bị hại anh Đỗ Trọng K. Theo biên bản ghi lời khai ngày 26/8/2019 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/4/2020 có tại hồ sơ thì bị hại anh Đỗ Trọng K chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại cho anh số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), ngoài ra không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại Đỗ Trọng K số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Ý chí của bị cáo là tự nguyện nên ghi nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền trên.

- Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/4/2020 và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có tại hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Chế Ngọc N không yêu cầu bị cáo T bồi thường thiệt hại gì cho anh nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Khổng Hoàng T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

[9]. Anh Chế Ngọc N mua 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus 16GB của bị cáo Khổng Hoàng T, anh N không biết điện thoại trên do bị cáo T trộm cắp mà có được nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh N.

[10]. Xét quan điểm của đại diện VKSND thành phố BH tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 45, 106, 135, 136, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Khổng Hoàng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Khổng Hoàng T 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 05/02/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Không.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Buộc bị cáo Khổng Hoàng T phải bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Đỗ Trọng K số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Khổng Hoàng T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

5. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng bị hại anh Đỗ Trọng K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Chế Ngọc N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh ĐN;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố BH;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố BH;
- VKSND thành phố BH;
- Chi cục THADS thành phố BH;
- Bị cáo; Bị hại; Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Nguyễn Phạm Tuấn